TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HÀ ĐÔNG** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 501/2024/QĐST- VHNGĐ	*Hà Đông, ngày 29 tháng 7 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN GIA ĐÌNH

Căn cứ vào Điều 48, Điều 217, Điều 218, Điều 273, điểm c khoản 2 Điều 366 và Điều 396 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Toà án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 419/TLST-VHNGĐ ngày 25/6/2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy: Người yêu cầu là chị Đồng Thị M và anh Nguyễn Đình H đã có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Việc đương sự rút đơn là hoàn toàn tự nguyện theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 366 Bộ luật tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

I.Đình chỉ giải quyết việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 419/TLST-VHNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, giữa người yêu cầu:

- Chị Đồng Thị M, sinh năm 1988; nơi ĐKHKTT và trú tại: phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội. Có mặt

- Anh Nguyễn Đình H, sinh năm 1988; nơi ĐKHKTT và trú tại: phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội. Có mặt

II. Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết việc dân sự :

-Trả lại cho chị Đồng Thị M và anh Nguyễn Đình H đơn yêu cầu và các tài liệu, chứng cứ kèm theo.

-Sung công quỹ Nhà nước số tiền 300.000đ chị Đồng Thị M đã nộp tạm ứng lệ phí theo biên lai số 0043925 ngày 25/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

III. Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị trong hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Tưởng Thị Huyền

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 43:

(1) Ghi tên Toà án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự; nếu Toà án ra quyết định là Toà án nhân dân cấp huyện cần ghi rõ tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện Nghi Xuân, tỉnh Thanh Hoá). Nếu Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh, (thành phố) nào (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: số 02/2017/QĐST - KDTM).

(3) Ghi cụ thể lý do của việc đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thuộc trường hợp nào quy định tại Điều 217 hoặc các điều luật khác của Bộ luật tố tụng dân sự (ví dụ: xét thấy nguyên đơn là cá nhân đã chết mà quyền, nghĩa vụ của họ không được thừa kế quy định tại điểm a khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự).

(4) Ghi số, ngày tháng năm thụ lý vụ án (ví dụ: số 50/2017/TLST-KDTM).

(5) Ghi trích yếu quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: "tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân").

(6), (7) và (8) Nếu nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cá nhân, thì ghi họ tên và địa chỉ của cá nhân đó; nếu là cơ quan, tổ chức, thì ghi tên, địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó (ghi theo đơn khởi kiện).

(9) Tuỳ vào từng trường hợp đình chỉ vụ án cụ thể mà ghi hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án quy định tại Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự, (kể cả về tiền tạm ứng án phí).